

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
THÍ NGHIỆM VÀ XÂY DỰNG
THANH LONG

Số: 104/2026/TB-TL

Về việc: Công bố thông tin năng
lực đủ điều kiện hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Sở xây dựng Hưng Yên

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long Trân trọng thông báo thông tin năng lực về hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau;

I. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0101614990 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 23/02/2005, lần 4 ngày 20 tháng 12 năm 2016.
- Địa chỉ công ty: Số 36A ngõ 7, phố Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 0913536564
- Web: www.thinghiemthanhlong.vn - Email: phongthinghiemlasxd363@gmail.com
- Tên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình LAS-XD24.138

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 36A ngõ 7, phố Đông Ngạc, phường Đông Ngạc, TP Hà Nội.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường: Đường Lê Văn Lương, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên

II. Thông tin năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188, C204; AASHTO T133, T153, T192; BS EN 196-6; JIS R5201	Sàng 0,09 mm, 0,045 mm, Cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoá, thùng đóng	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348, C349; AASHTO T106; BS EN 196-1; JIS R5201	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn, độ bền nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén	

3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 10653:2015 ; ASTM C191, C187 ; C807 ; AASHTO T131, T129; BS EN 196-3; JIS R5201	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân (1g), máy trộn, thùng lọc mẫu, khuôn LoSotolie.	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
II BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG				
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; BS EN 12350-2;	Côn thử độ sụt: Que chọc; Phễu đổ hỗn hợp; Thước lá kim loại dài 80cm chính xác tới 0,5cm	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; BS EN 12350-6	Cân kỹ thuật, Thước lá kim loại, Cân thủy, Bếp điện, Thùng nấu paraffin, Tủ sấy	
3	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158; BS EN 12350-4, EN 480-4; JIS A1123	Khuôn; Bàn rung; Thanh thép tròn; Cân kỹ thuật; Sàng. Thước lá. Tủ sấy, Khay sắt	
4	Phương pháp xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; ASTM C173, C231; AASHTO T152; BS EN 12350-7; JIS A1128	Bình thử bọt khí; Bàn rung	
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 3112:2022 ; TCVN 3113:2022 ; TCVN 3115:2022; ASTM C642; BS EN 12390-7	Bình khối lượng riêng, Cân phân tích (0,01g), Búa con, cối chày đồng, Bình hút ẩm, Tủ sấy, Sàng 2 hoặc 2,5mm, Nước lọc, dầu hoả, cồn 90°. Cân kỹ thuật Thùng ngâm mẫu, Khăn lau mẫu, Thước lá kim loại, Bếp điện, Thùng nấu paraffin, tủ sấy	
6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140; BS EN 12390-3, 12504-1; JIS A1108, A1107; AS 1012.9	Máy thử độ bền nén	
7	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T97, T177; BS EN 12390-5; JIS A1106, JIS A1114	Máy thử độ bền nén	
8	XĐ thời gian bắt đầu và kết thúc ninh kết của bê tông	TCVN 9338:2012 ; ASTM C403	Dụng cụ thử xuyên; Khuôn chứa mẫu thử; Sàng tiêu chuẩn; Que chọc; Nhiệt kế: Pipet.	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
9	Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611; BS EN 12350-5; JIS A1150	Bộ thí nghiệm xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	
10	Xác định cường độ chịu kéo khi búa	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; BS EN 12390-6;	Máy nén 200 tấn, thước lá	

11	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp Bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064; AASHTO T309	Nhiệt kế 0-100oC	
III	VỮA XÂY DỰNG			
1	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân, tủ sấy, thước kẹp, Parafin	
3	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109, C349, C942	Khuôn, chày đầm, tủ dưỡng hộ, máy nén uốn...	
4	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Khuôn, khay, đồng hồ bấm giây, cân, tủ sấy, thùng lưu mẫu...	
5	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy của vữa; độ tách nước; cường độ nén	TCVN 9204-2012; ASTM C827, C1090; JIS R5201	Cân kỹ thuật, thùng kim loại, pifet	
6	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xd lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 447-2007	Ống đong; sàng 2mm; côn xác định độ chảy; đồng hồ bấm giây, nhiệt kế; tấm phẳng; ống hình trụ ĐK trong 39mm và chiều cao 60mm; đồng hồ bấm giây, thước đo độ dài; nhiệt kế; ống hình trụ bằng thép;	
IV	CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
1	Phân tích thành phần hạt, modun	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM C136 ; AASHTO T27; BS EN 933-1 ; BS 812 Part 103.1	Cân kỹ thuật, Bộ sàng tiêu chuẩn, Máy lắc sàng; Tủ sấy.	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C127, C128 ; AASHTO T84,T85 ; BS EN 1097-6,7;	Cân kỹ thuật, Tủ sấy; Bình dung tích bằng thủy tinh	
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85; BS EN 1097-6,7 ;JIS A1110	- Cân kỹ thuật, Cân thủy; Thùng ngâm mẫu, Khăn thấm nước, Thước kẹp; Bàn chải sắt; tủ sấy	
4	Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; BS EN 1097-3,4;	Thùng đong; Cân kỹ thuật Phễu; Bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy, Thước lá kim loại; Thanh gỗ thẳng, nhẵn	
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5	Cân kỹ thuật, Tủ sấy; Dụng cụ đào mẫu (thìa hoặc dao).	
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142, C117; AASHTO T11, T112; BS EN 933-1;	Cân kỹ thuật, Tủ sấy; Thùng rửa cốt liệu ; Đồng hồ bấm giây; Tấm kính; Que hoặc kim sắt nhỏ.	
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; ASTM C40; AASHTO T21;	Ống thủy tinh 250 ml và 100 ml; Cân kỹ thuật; Bếp cách thủy; Sàng 20 mm; Thang màu; Thuốc thử: NaOH 3 %; tananh 2 %; rượu êtylic 1 %.	

8	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-10:2006;	Máy nén, xi lanh bằng thép, có đáy rời, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh	
9	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-11:2006; ASTM D2938; C170; JIS M0302	Máy nén thủy lực; Máy khoan và máy cưa đá; Máy mài nước; Thước kẹp; Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.		
10	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131,C535; AASHTO T96;	Máy Los Angeles, Cân kỹ thuật, Bộ sàng, 1,7 mm; Tủ sấy		
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ; ASTM D4791; EN 933-3	Cân kỹ thuật, Thước kẹp cải tiến; Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy		
12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006; ASTM C142; AASHTO T112;	Cân kỹ thuật, Tủ sấy, Bộ sàng, Kim sắt, kim nhôm, Búa con		
13	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06; ASTM D5821	Cân kỹ thuật; Kính lúp		
14	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích độ chính xác 0,001g, Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn, Giấy nhám khô, Đũa thủy tinh		
15	Xác định giá trị cát tương đương của đất và cốt liệu mịn (Hệ số SE)	ASTM D2419; AASHTO T176; BS EN 933 - 8	Bộ thí nghiệm đương lượng cát		
16	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123; AASHTO T113 ;	Cân phân tích, chính xác đến 0,001 g; tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám; đũa thủy tinh		
17	Xác định hàm lượng hạt mịn hơn 0,075mm	ASTM C117; AASHTO T11;	Cân phân tích, chính xác đến 0,001 g; tủ sấy, Sàng 0.075mm...		
18	Xác định độ bền của cốt liệu bằng PP sử dụng dung dịch Na2SO4 hoặc MgSO4	ASSHTO T104:03	Cân phân tích, thùng ngâm, rọ, dung dịch		
19	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304	Ổng đóng, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, thanh gạt, cân có độ chính xác 0.1g.		
20	Độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:17; AASHTO T326	Thùng đóng, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, thanh gạt, cân 0.1g, tủ sấy.		
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
1	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, B557; AASHTO T68; BS EN 10002; JIS Z2241	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp (5%mm), Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.		Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370; JIS Z2248	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,...)		
3	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010; AWS D1.1; EN 12814:Part 1	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...		

4	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010 ; TCVN 8310:2010 ; EN 12814 : Part 2; JIS Z3121	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại.	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
5	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1995; ASTM F606; ASTM E488-18; ASTM A722; ASTM A370; JIS B1186	Máy kéo thủy lực vạn năng; bộ ngàm kẹp chuyên dụng, thước kẹp điện tử.	
6	Ống thép – thử kéo	TCVN 314:2008; ASTM A370	Máy kéo đa năng; bộ ngàm kẹp chuyên dụng, thước kẹp điện tử.	
7	Ống thép – thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; TCVN 9245:2024; ASTM A370	Máy kéo đa năng; bộ ngàm kẹp chuyên dụng, thước kẹp điện tử.	
VI	ĐẤT TRONG PHÒNG			
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ; ASTM D854; AASHTO T100	Dầu hoả, Bơm chân không, bình hút chân không, Cân kỹ thuật (0,01g), Bình tỷ trọng, Cối chảy sứ (đồng), Rây 2mm, Bếp cát, Tủ sấy (t ⁰), Tỷ trọng kế, Thiết bị ổn nhiệt, Cốc nhỏ hộp nhôm	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T265; JIS A1203	Tủ sấy, Cân kỹ thuật (0,01g), Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), Bình hút ẩm có clorua canxi, Sàng (0,5; 1mm), Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Khay men phơi đất, Cân phân tích (0,001g),	
3	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; ASTM D4318 ; AASHTO T89, T90; JIS A1205;	Các tấm kính nhám, Rây (1mm), Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật (0,01g), Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), Tủ sấy (t ⁰), Bát sắt trắng men, Dao để trộn, Dụng dụ Casagrande	
4	Phân tích thành phần hạt	TCVN 4198:2014 ; ASTM D1140, D422 ; 5D2487 ; C136 ; A6ASHTO T88 ; T277 ; T11; JIS A1204	Cân kỹ thuật (0,01g), Bộ sàng, Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Tủ sấy (t ⁰), Bình hút ẩm, Quả lê bằng cao su, Dao con, Máy sàng lắc, Cân phân tích, Tỷ trọng kế, Bộ phận đun và làm lạnh, Bình đong (1000cm ³), Nhiệt kế (0,5 ⁰ C), Que khuấy, Đồng hồ bấm, Máy rửa, Ống hút (5cm ³ và 50cm ³), Thước thẳng 20cm.	

5	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06 ; ASTM D1557, D698; AASHTO T180, T99 ; BS 1377- Part 4; JIS A1210	Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, Cân kỹ thuật (0,01g), Sàng (19 mm, 5mm), Bình phun nước, Tủ sấy (t ⁰), Bình hút ẩm, Hộp nhôm, Dao gọt đất, Vò đập đất, Khay, Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ; ASTM D7263; D2937; AASHTO T191	Dao vòng bằng kim loại, Thước cặp, Dao cắt, cân kỹ thuật, Các tấm kính, Dụng cụ xác định độ ẩm, Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, Tủ sấy (t ⁰), Bình hút ẩm	
7	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-2006 ;TCVN 12792 :2020; ASTM D1883; AASHTO T193 ; JIS A1211	Máy nén CBR, Cối đầm loại to (D=152,4 mm), Chày đầm tiêu chuẩn, Chày đầm cải tiến, Cối CBR, Tấm đệm, Tấm đo - Trương nở, Đồng hồ đo trương nở, Giá đỡ thiên phân kế,	
8	Hàm lượng hữu cơ có trong đất bằng phương pháp đốt, hàm lượng hữu cơ mất khi nung	TCVN 8726:12; ASTM D2974; AASHTO T267;	Lò nung, Tủ sấy, Cân phân tích d= 0.0001g, Máy nghiền bi, chén nung, cốc mỏ, ống đông, bình định mức,	
9	Trương nở của đất sét	TCVN 8719:2012; ASTM D 4546	Khuôn tiêu chuẩn, đồng hồ biến dạng...	
10	Độ bền khi nén, độ bền chịu ép chẻ	TCVN 10379:2014; ASTM D1633;	Máy nén 300kN	
11	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011;	Máy nén; Tủ ổn nhiệt; Nhiệt kế có độ chính xác 0,10C;	
12	Đất đá gia cố chất kết dính – thành phần hạt và cấp phối hạt, đầm nén, Xác định độ đầm chặt, cường độ kháng ép,cường độ kháng kéo, modun đàn hồi, độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bảo hoà – sấy	ASTM D559:2015; TCVN 9843:2013; 22TCN 72:1984; 22TCN 59:84;	Máy nén; Dụng cụ hút chân không; Thùng, bình giữ ẩm; cối 100cm ³ ; Cân kỹ thuật; tủ sấy	
VII THỬ NGHIỆM CƠ LÝ DỤNG DỊCH BENTONITE				
	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; độ PH; hàm lượng cát;	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; ASTM D4380, D6910, D4381	Tỷ trọng kế 0-50g; Phễu tiêu chuẩn, đồng hồ bấm giây; Sàng, ống đông, cân; Dụng cụ đo độ mất nước,..	Phạm Minh Tuyên, , Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu
VIII BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
1	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:20; AASHTO T37	Bộ sàng; Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1g; Bát sứ có đường kính 10÷20 cm; Chày giã đầu bịt cao su; Bình đựng nước có dung tích 6 ÷ 10 lít; Bình hút ẩm	

2	Khối lượng riêng,	TCVN 8735: 2012;	Bình tỉ trọng, Cân kỹ thuật, có độ chính xác đến 0,01 g và 0,001 g; Tủ sấy, Bình hút ẩm, cối và chày sứ, Sàng có kích thước lỗ 0,25 mm; Cốc sứ, Bếp đun cách cát, Nước cất; khay men, phễu, ống nhỏ giọt, chổi lông bé, thìa để xúc bột đá, khăn lau	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
3	Lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng thể tích và độ rỗng; hàm lượng chất hòa tan trong nước; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa trong bột khoáng	22 TCN 58-1984	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Chén sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Hộp nhôm; Bình tỷ trọng; Máy hút chân không; - Bình để rửa; Nhiệt kế 200°C; Sàng 1,25 mm và 0,14 mm; Bát sứ; Dầu hỏa; Thiết bị khống chế nhiệt độ ngâm mẫu; thùng ngâm mẫu	
4	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197: 2012; ASTM D4318; AASHTO T89,T90	Các tấm kính nhám, Rây (1mm), Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật (0,01g), Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), Tủ sấy, Bát sắt tráng men, Dao để trộn, Dụng cụ Casagrande	
IX BÊ TÔNG NHỰA				
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559, D6927; AASHTO T245	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall, đầm tạo mẫu BTN, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định hàm lượng nhựa trong hỗn bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164, BS EN 12697 - 1	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C2HCl3, (NH4)2CO3 và các dụng cụ khác	
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM C136; AASHTO T30	Bộ sàng , cân chính xác 0,1%, tủ sấy	
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1°C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ	
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166; T275	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 10C.	

6	Xác định ảnh hưởng của nước đến hỗn hợp bê tông nhựa đầm chặt	AASHTO T283	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall, đầm tạo mẫu BTN, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
7	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011 ASTM D6390; AASHTO T305	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay	
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; AASHTO T230; TCVN 13567:2022	Phương pháp tính toán	
9	Xác định độ rỗng cốt liệu & độ rỗng dư của bê tông nhựa ở trạng thái đầm chặt	TCVN 8860-9:2011; TCVN 8860-10:2011; ASTM D3203; AASHTO T269	Phương pháp tính toán	
10	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán	
11	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán	
12	Cường độ chịu nén của hỗn hợp bê tông nhựa	22TCN 62:1984; AASHTO T167	Máy nén, uốn vạn năng 100kN; Bình để ổn định nhiệt; Chậu đựng nước; Nước đá; máy đầm	
13	Sức kháng trượt bề mặt đường bằng con lắc Anh	TCVN 10271:2014	Bộ thiết bị thí nghiệm con lắc anh	
X	NHỰA BITUM, NHỮ TƯƠNG			
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5 ; AASHTO T49 ; EN 1426	Máy đo độ kim lún, Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50°C (0,1°C), Chậu nhôm, Bình chứa cốc mẫu, Chậu đựng nước (15l), Dụng cụ cấp nhiệt, Thiết bị điều hòa nhiệt độ	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D3; AASHTO T53	Khuôn tròn, Bi thép, Khuôn treo, Vòng dẫn hướng của bi thép, Bình thuỷ tinh có dung tích 800ml, Dao cắt, Nhiệt kế Dụng cụ cấp nhiệt, Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193°C÷ 204°C. + Vadolin, Nước đá.	
3	Điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường , - Nhiệt kế - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt	
4	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625, D2489; AASHTO T195	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	

XI		THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA BẮC THẨM, THANH NỔI		
1	Lực kéo giặt, giãn dài	TCVN 8871:2011; TCVN 8485:2010; ASTM D6637, D4632, D5034, D638, D5321	Máy kéo, nén vạn năng; bộ ngàm cho thí nghiệm kéo đứt, kéo giặt, xé rách hình thang, lô cuốn vải địa;	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Độ dày danh định	TCVN 8220:2009	Thiết bị:Một đế phẳng bằng kim loại không rỉ và một đĩa ép phẳng, hình tròn trên gắn đồng hồ đo	
3	Khối lượng trên một đơn vị	TCVN 8821:2009; ASTM D5261; D1603	Kích gia tải, Dụng cụ đo lực, đầu xuyên, đầu nối, cần nối, Đồng hồ đo độ xuyên...	
4	Độ thấm xuyên	TCVN 8487: 2010; ASTM D4491	Các ống đo áp pizomet, Lưới đỡ mẫu, Thiết bị đo hàm lượng ôxy hòa tan trong nước, Đồng hồ bấm giây, Nhiệt kế...	
5	Kích thước lỗ biểu kiến bằng PP sàng khô	ASTM D4751	Máy đo kích thước lỗ;	
6	Lực xé rách	ASTM D4533	Máy kéo, nén vạn năng	
7	Lực xuyên thùng CBR	ASTM D6241	Máy kéo, nén vạn năng	
8	Lực kháng xuyên thùng	ASTM D4833	Máy kéo, nén vạn năng	
9	Áp lực kháng bụi	ASTM D3786	Thiết bị thử cường độ kháng bụi của vải địa.	
10	Xác định khả năng thoát nước của bắc thẩm	TCVN 8483:2010	Thiết bị có khả năng thoát nước của bắc thẩm, máy kéo, nén, uốn 100kN; ...	
11	Khả năng chống xuyên thùng côn rơi động của bắc thẩm	TCVN 8484: 2010	Máy kéo, nén vạn năng...	
12	Hệ số thấm của vải	ASTM D4716	Máy thí nghiệm hệ số thấm của vải...	
XII		HIỆN TRƯỜNG		
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020; AASHTO T204;	Dao dai tròn bằng thép hay đồng, Cân kỹ thuật, Dao gạt lưỡi phẳng, Hộp nhôm, Chảo sấy hoặc côn đốt 90°trở lên, Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm	Phạm Minh Tuyên, Vũ Đức Hiếu, Cao Tiến Minh, Nguyễn Văn Hà, Phạm Quang Hiếu, Phạm Huy Thanh
2	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006 ; TCVN 8729:2012 ASTM D1556; AASHTO T191	Phễu rót cát, cân điện tử, cát chuẩn, côn hoặc bép ga...	
3	Độ bằng phẳng của mặt d- ường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao	
4	Phương pháp thử nghiệm xác định modul đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011, 22TCN 335 : 2006 ; ASTM D1194; D1195; AASHTO T221	Kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng; tấm ép cứng đường kính 76cm; giá đỡ đồng hồ biến dạng...	
5	Xác định môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM, D4695; AASHTO T256	Bộ thí nghiệm cần Benkelman, kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng...	

6	Thí nghiệm nén tải trọng tĩnh bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395	Tấm nén; kích thủy lực; hệ thống neo...	
7	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Bộ thí nghiệm rắc cát hiện trường	

III. Cam kết của tổ chức

1. Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long cam kết đảm bảo và duy trì thường xuyên các điều kiện về nhân lực, thiết bị và không gian thí nghiệm theo đúng quy định của pháp luật.
2. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và chính xác của toàn bộ thông tin đã công bố nêu trên.
3. Tổ chức sẽ thực hiện công bố lại thông tin ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào về năng lực hoạt động so với nội dung đã công bố.
4. Thông tin này đã được Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ: www.thinghiemthanhlong.vn
5. Công ty Cổ phần tư vấn thí nghiệm và xây dựng Thanh Long kính đề nghị Sở xây dựng Hưng Yên xem xét, tiếp nhận và đăng tải thông tin năng lực của đơn vị trên Cổng/trang thông tin của Sở theo quy định ./.

Nơi nhận:

- Web: www.thinghiemthanhlong.vn
- Sở xây dựng Hưng Yên
- Lưu VT

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THÍ NGHIỆM VÀ
XÂY DỰNG THANH LONG**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Linh